**Software Requirement Specification – SRS**

**VCHub**

*Người thực hiện : Phạm Ngọc Hòa - 22110330*

1. **Đặc tả các usecase**
   1. *Đăng nhập*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC001 | | | | **Tên Use case** | Đăng nhập | |
| **Tác nhân** | Người dùng | | | | | | |
| **Mô tả** | Tác nhân đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng hệ thống | | | | | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút đăng nhập trên giao diện website | | | | | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đã có tài khoản trên hệ thống | | | | | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | |  |
| 1. | Người dùng | Chọn chức năng Đăng nhập | | |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện đăng nhập | | |
| 3. | Người dùng | Nhập email và mật khẩu (mô tả phía dưới \*) | | |
| 4. | Người dùng | Yêu cầu đăng nhập | | |
| 5. | Hệ thống | Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | | |
| 6. | Hệ thống | Kiểm tra email và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không | | |
| 7. | Hệ thống | Hiển thị chức năng tương ứng đối với Người dùng | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | |  |
| 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | |
| 7a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Email và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống | | |
| **Hậu điều kiện** | Tác nhân đăng nhập được vào hệ thống | | | | | | |

*Bảng 1-1: Đặc tả chức năng “Đăng nhập”*

* + - * Dữ liệu đầu vào gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1. | Email | Input email field | Có | Đúng định dạng email | [qndev@gmail.com](mailto:qndev@gmail.com) |
| 2. | Mật khẩu | Pasword field | Có | Tối thiểu 6 kí tự | Password |

*Bảng 1-2: Dữ liệu chức năng “Đăng nhập”*

*1.2 Thay đổi mật khẩu*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC002 | | | **Tên Use case** | Thay đổi mật khẩu | |
| **Tác nhân** | Người dùng | | | | | |
| **Mô tả** | Tác nhân muốn thay đổi mật khẩu để bảo vệ tài khoản hoặc người dùng đã quên mật khẩu và muốn đặt lại mật khẩu mới | | | | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào dropbox liên kết “Quên mật khẩu?” tại trang đăng nhập | | | | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đăng nhập thành công vào hệ thống | | | | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  |
| 1. | Người dùng | Chọn chức năng Thay đổi mật khẩu | |  |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện chức năng thay đổi mật khẩu | |  |
| 3. | Người dùng | Nhập email để hệ thống gửi mã xác minh người dùng | |  |
| 4. | Hệ thống | Kiểm tra định dạng email có đúng không và có tồn tại tài khoản ứng với email mà Người dùng nhập không, nếu thỏa mãn hệ thống sẽ gửi liên kết thiết lập lại mật khẩu đến email cho người dùng | |  |
|  |
|  |  | 5. | Người dùng | Nhập mã xác minh và kích vào nút xác minh | |  |
|  |  | 6. | Hệ thống | Kiểm tra mã xác minh người dùng đã nhập là đúng hay chưa | |  |
|  |  | 7. | Người dùng | Nhập mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới thêm một lần nữa | |  |
|  |  | 8. | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu người dùng có đúng định dạng, mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới có khớp hay không sau đó tiến hành thay đổi mật khẩu | |  |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  |
| 4a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: email không đúng định dạng hoặc email mà người dùng cung cấp không tồn tại trong hệ thống | |  |
|  |  | 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi : Mã xác minh không đúng | |  |
|  |  | 8a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Mật khẩu không đúng định dạng yêu cầu hoặc mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới không khớp | |  |
| **Hậu điều kiện** | Cập nhật mật khẩu mới vào hệ thống | | | | | |

*Bảng 1-2: Đặc tả chức năng “Thay đổi mật khẩu”*

*1.3 Đăng ký*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC003 | | | **Tên Use case** | Đăng ký | |
| **Tác nhân** | Người dùng | | | | | |
| **Mô tả** | Tác nhân đăng ký tài khoản để sử dụng chức năng của hệ thống | | | | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút đăng ký trên thanh tiêu đề | | | | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | | | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  |
| 1. | Người dùng | Chọn chức năng Đăng ký | |  |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện đăng ký | |  |
| 3. | Người dùng | Nhập các thông tin tài khoản (mô tả phía dưới \*) | |  |
| 4. | Người dùng | Yêu cầu đăng ký | |  |
| 5. | Hệ thống | Kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | 6. | Hệ thống | Kiểm tra địa chỉ email của khách có hợp lệ không |  |
| 7. | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng nhau hay không |  |
| 8. | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu có đủ mức độ an toàn hay không |  |
| 9. | Hệ thống | Lưu thông tin tài khoản và thông báo đăng ký thành công |  |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |  |
| 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu |  |
| 7a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Địa chỉ email không hợp lệ nếu địa chỉ email không hợp lệ |  |
| 8a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Mật khẩu xác nhận không trùng với Mật khẩu nếu hai mật khẩu không trùng nhau |  |
| 9a. | Hệ thống | Thông báo lỗi: Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy  định bởi hệ thống (có ít nhất 6 ký tứ) |  |
| **Hậu điều kiện** | Tài khoản được tạo và lưu trữ vào hệ thống | | | | |

*Bảng 1-3: Đặc tả chức năng “Đăng ký”*

* + - * Dữ liệu đầu vào của chức năng Đăng ký gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1. | Email | Input email field | Có | Địa chỉ email hợp lệ | [qndev@gmail.com](mailto:qndev@gmail.com) |
| 2. | Mật khẩu | Pasword field | Có | Ít nhất 6 ký tự | 123456 |
| 3. | Xácnhận mật khẩu | Pasword field | Có | Trùng với Mật khẩu | 123456 |

*Bảng 1-4: Dữ liệu chức năng “Đăng ký”*

*1.4 Cập nhật thông tin CV*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC004 | | | | **Tên Use case** | Cập nhật thông tin CV | |
| **Tác nhân** | Người dùng | | | | | | |
| **Mô tả** | Tác nhân cập nhật thông tin cá nhân | | | | | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Click vào nút “CV của tôi” với Học viên trên phần đầu trang(header) | | | | | | |
| **Tiền điều kiện** | Tác nhân đăng nhập thành công | | | | | | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | |  |
| 1. | Người dùng | Chọn chức năng Cập nhật thông tin CV | | |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị giao diện điền thông tin cá nhân. Nếu người dùng đã có thông tin, sẽ hiển thị trên màn hình. Nếu chưa để trống. | | |
| 3. | Người dùng | Điền thông tin yêu cầu cập nhật ( mô tả phía dưới \* ) | | |
| 4. | Người dùng | Yêu cầu cập nhật | | |
| 5. | Hệ thống | Kiểm tra thông tin nhập liệu của người dùng | | |
| 6. | Hệ thống | Cập nhật và thông báo thành công | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** |  | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | |  |
| 5a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu kiểm tra thông tin nhập liệu không đúng định dạng | | |
| 6a. | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu hệ thống không thể lưu thông tin của người dùng | | |
| **Hậu điều kiện** | Cập nhật CV thành công, thông tin người dùng được lưu vào hệ thống | | | | | | |

*Bảng 1-5: Đặc tả chức năng “Cập nhật thông tin cá nhân”*

* + - * Dữ liệu đầu vào của chức năng Cập nhật thông tin CV gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Họ tên | Input text field | Có | Không quá 255 kí tự | Nguyễn Văn Tân |
|  | Giới tính | Nam,Nữ,Khác | Có | Chọn Nam,Nữ,Khác | Nam |
|  | Ảnh | Ảnh đại diện | Không | Định dạng png, gif, jpeg, jpg |  |
|  | Ngày sinh | DatePicker | Có | Ngày tháng hợp lệ | 04/15/2000 |
|  | Số điện thoại | Input phone field | Có | Đúng định dạng số điện thoại | 0394838389 |
|  | Email cá nhân | Input email field | Có | Đúng định dạng email | Vantien1@gmail.com |
| 1. r | Địa chỉ liên hệ | Input text field | Không |  | 74 Đường số 10,Tăng Nhơn Phú B, Hồ Chí Minh |
|  | Giới thiệu về cá nhân | Input text field | Không |  | Tôi mong muốn tận dụng các kỹ năng và kiến thức của mình để đóng góp cho công ty với vai trò là Product Manager. |
|  | Chứng chỉ | Input text field | Không |  | **TOEIC**  750 điểm. Có thể:   * Đọc và viết tài liệu tham khảo * Viết business và support email |
|  | Trình độ học vấn | Input text field | Không |  | Đại học Kinh Tế |
|  | Kinh nghiệm | Input text field | Không |  | Product Manager |

*Bảng 1-6: Dữ liệu chức năng “Cập nhật thông tin cá nhân”*